TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-3-2023
Về việc: "Xin ly hôn." .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Mai và bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Trần Trọng Khánh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2022, về việc: "Xin ly hôn, nuôi con chung ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số:127 /2023/QĐST-DS, ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trương Thị Thúy T, sinh năm 1996, có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã PA, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn Nguyễn Thanh K, sinh năm 1991, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã PS, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Trương Thị Thúy T trình bày: Giữa chị với anh Nguyễn Thanh K tự tìm hiểu và kết hôn cuối năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã PS vào ngày 22-5-2018. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp tính nhau, chồng chị có thái độ vô lễ, hỗn láo với cha mẹ chị, không tôn trọng chị. Gia đình hai bên hòa giải nhiều lần để vợ chồng chị giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Khi vợ chồng chị mâu thuẫn không báo chính quyền địa phương nên địa phương không hòa giải. Từ khi ly thân đến nay hơn 03 năm không ai quan tâm đến ai, chị về sống tại nhà cha mẹ ruột, còn chồng chị sống ở nhà chồng.

Vì vậy nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn anh K. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên là Nguyễn Trương Gia N, sinh ngày 01-7-2019, hiện con đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị T xin nuôi con, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Chị T khai không có tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị T không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Nguyễn Thanh K vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tống đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh K vẫn vắng mặt không có lý do, vẫn không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T ly hôn với anh K. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung của chị T và anh K tên là Nguyễn Trương Gia N, sinh ngày 01-7-2019, cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, hiện con đang ở cùng chị T, chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa không xét. Về quan hệ tài sản chung: Chị T khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Nguyễn Thanh K cư trú tại Thôn X xã PS, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh K vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Thúy T thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Trương Thị Thúy T và anh Nguyễn Thanh K tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn từ năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 22-5-2018 tại Ủy ban nhân dân xã PS, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp. Theo chị T khai trong thời gian sống chung vợ chồng mâu thuẫn do không hợp tính nhau, anh K có thái độ không tôn trọng chị và gia đình chị nên vợ chồng không chung sống với

nhau từ năm 2021. Trong khi Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục về việc xin ly hôn của chị T tại địa phương nơi anh K cư trú nhưng anh K vẫn không đến Tòa và cũng không có bản trình bày ý kiến. Việc anh K không đến các phiên hòa giải và tại phiên tòa điều này chứng tỏ anh K không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị T và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn anh K.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị T và anh K có 01 con chung tên là Nguyễn Trương Gia N, sinh ngày 01-7-2019, hiện con đang ở cùng chị T. Nay ly hôn chị T xin nuôi con, chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét việc chị T đang nuôi con nên giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có tài sản chung, không có nợ không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 227 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Thúy T ly hôn anh Nguyễn Thanh K.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung của chị T và anh K tên là Nguyễn Trương Gia N, sinh ngày 01-7-2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, hiện con đang ở cùng chị T. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nên Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị T phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu

tiền số 0006426 ngày 13-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 02-3-2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
-Các bên đương sự
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GĐKT TAND tỉnh Bình Định .
-UBND xã PS
Số 80, ngày 22-5-2018
-Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy